

Số: 11/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

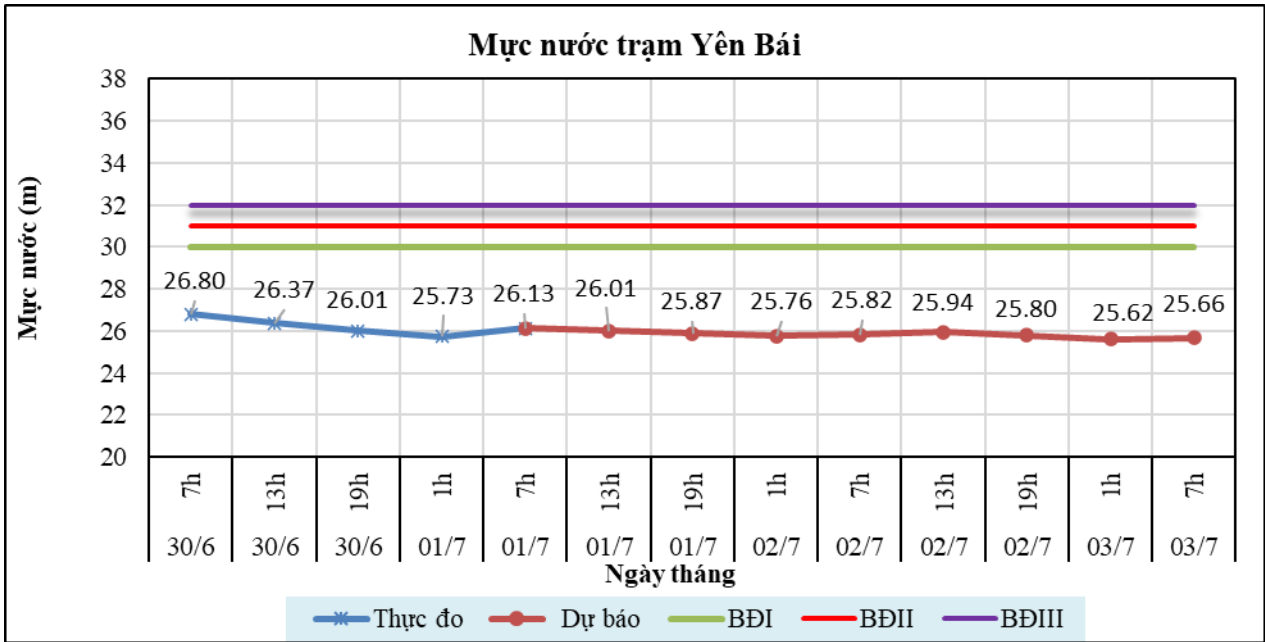
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

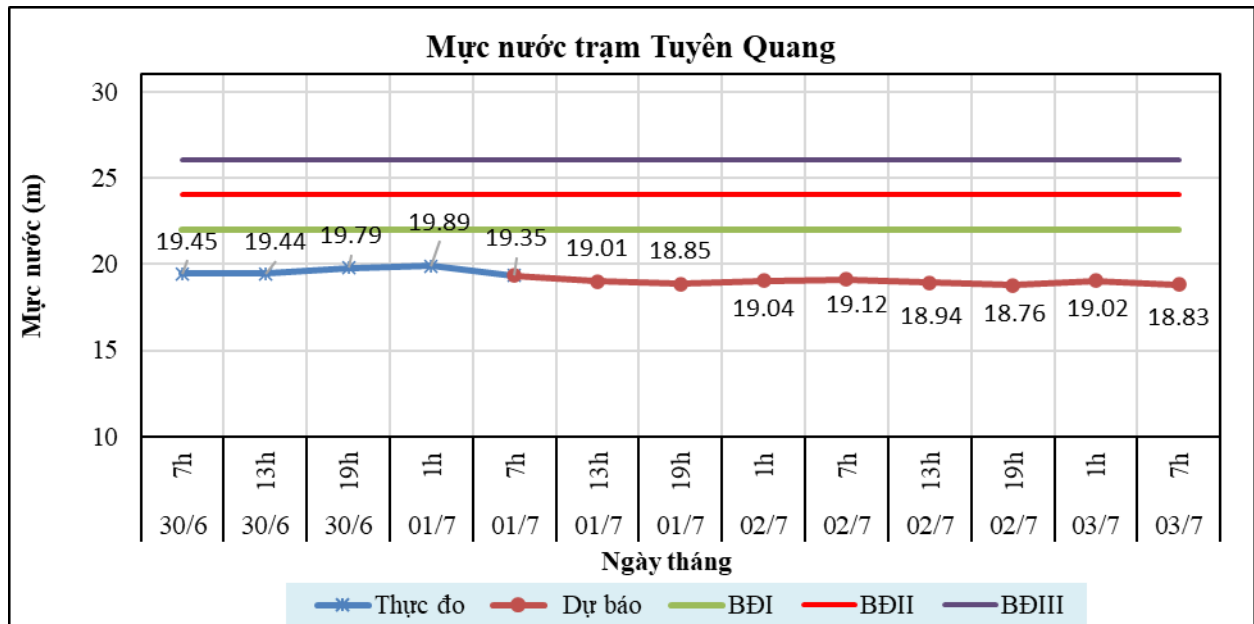
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

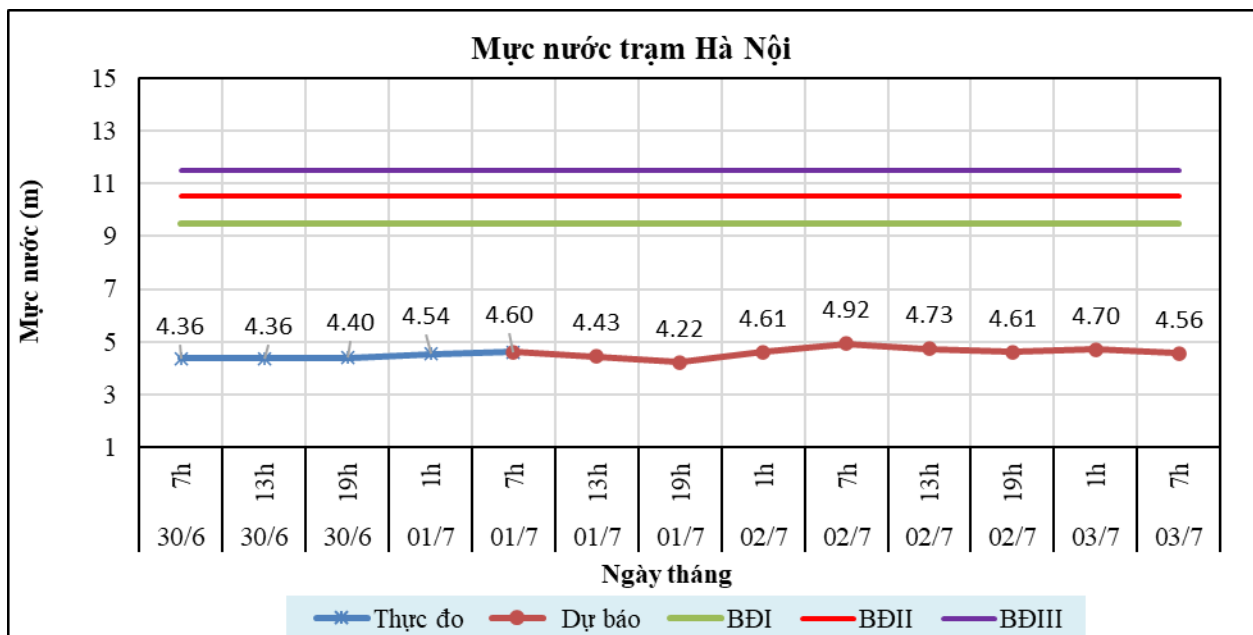
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

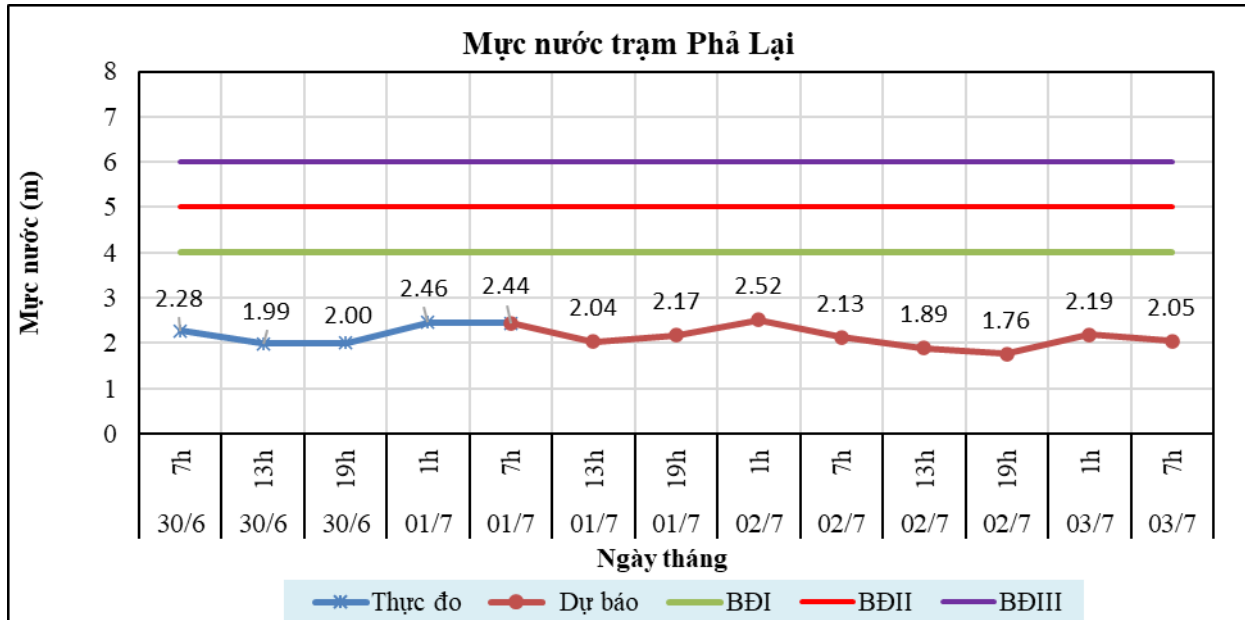
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

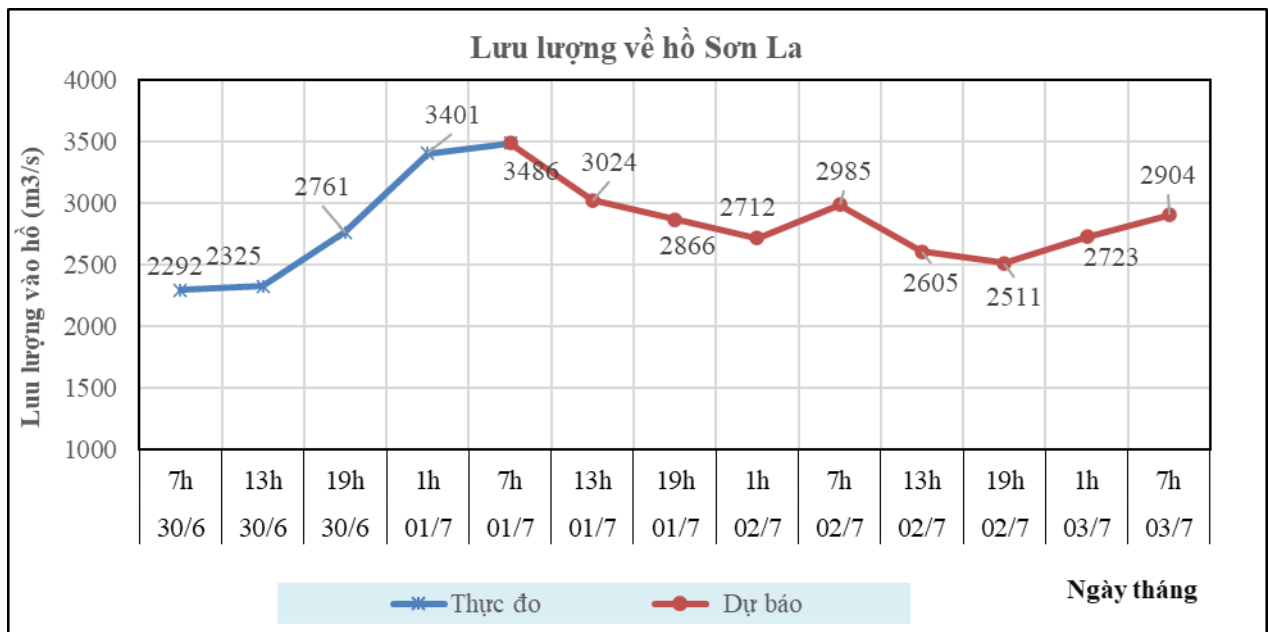
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

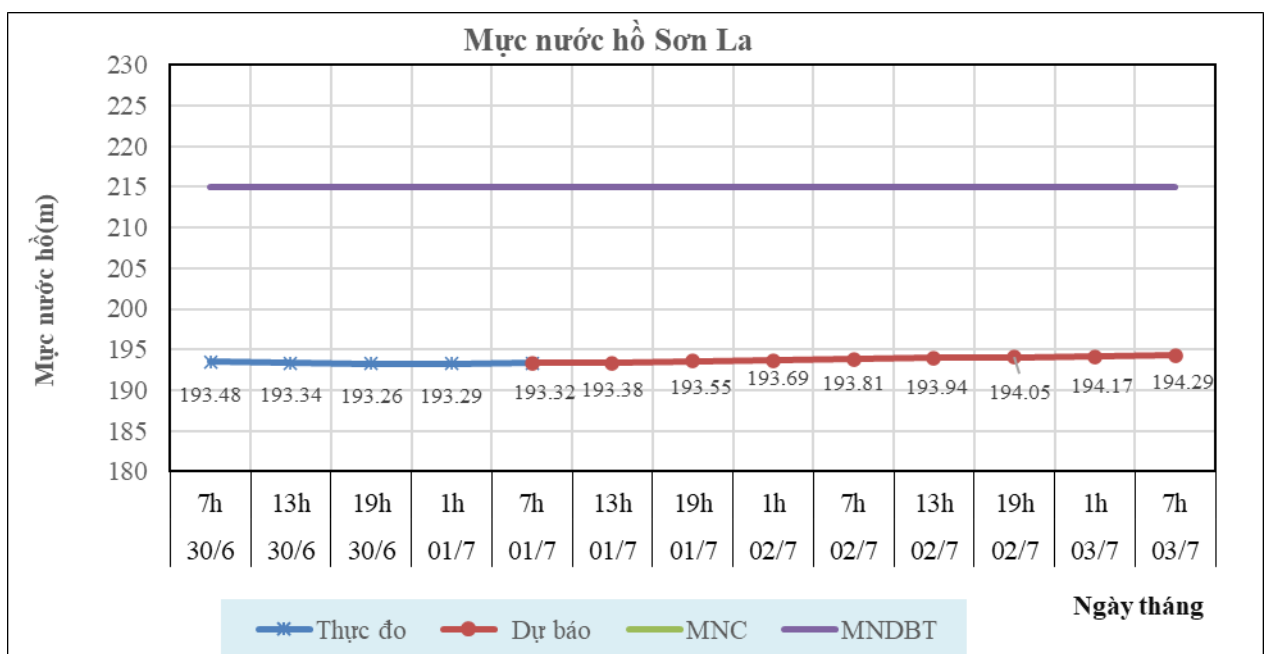
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 01/07/2025 đạt 3486m³/s, mực nước hồ đạt 193.32m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 2985m³/s, mực nước hồ 193.81m, 48h tới lưu lượng đạt 2904m³/s, mực nước đạt 194.29m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

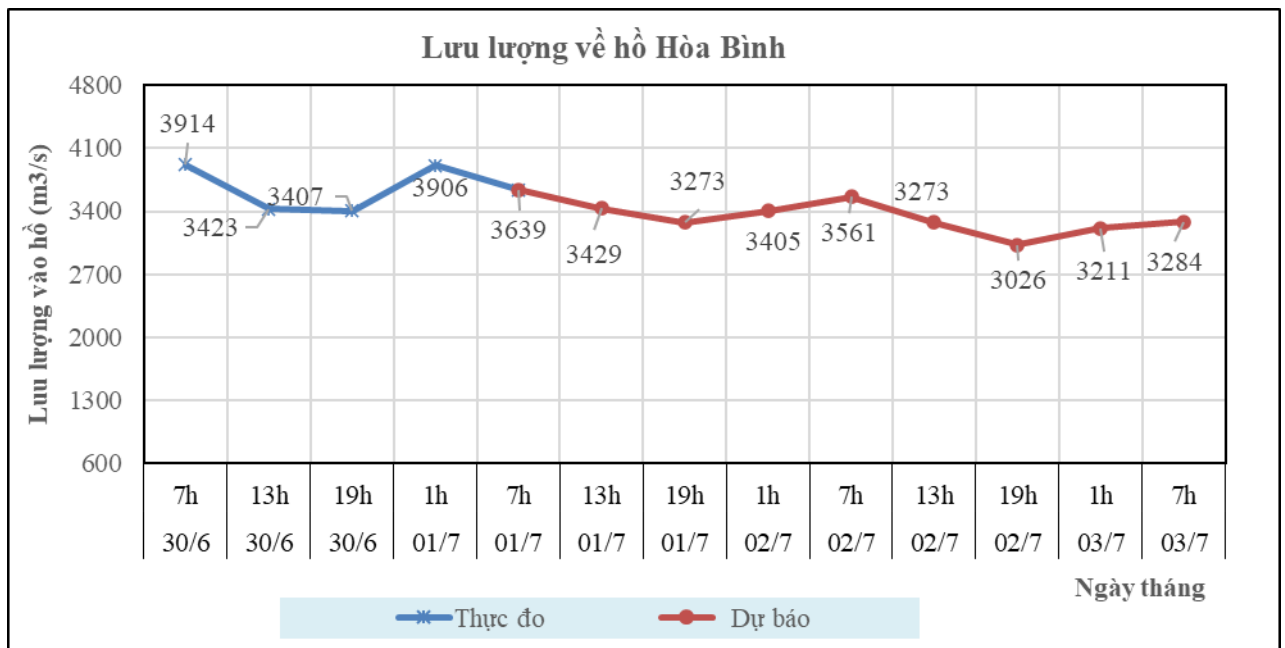
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

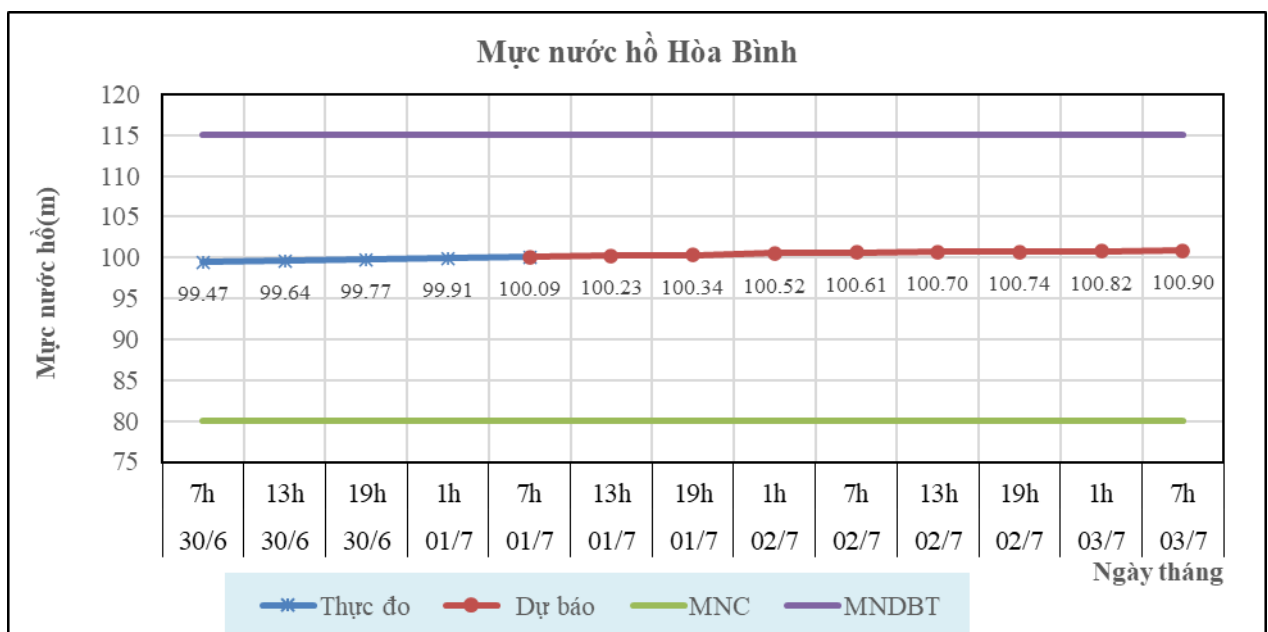
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 01/07/2025 đạt 3639m³/s, mực nước hồ đạt 100.09m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3561m³/s, mực nước hồ 100.61m, 48h tới lưu lượng đạt 3284m³/s, mực nước đạt 100.9m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

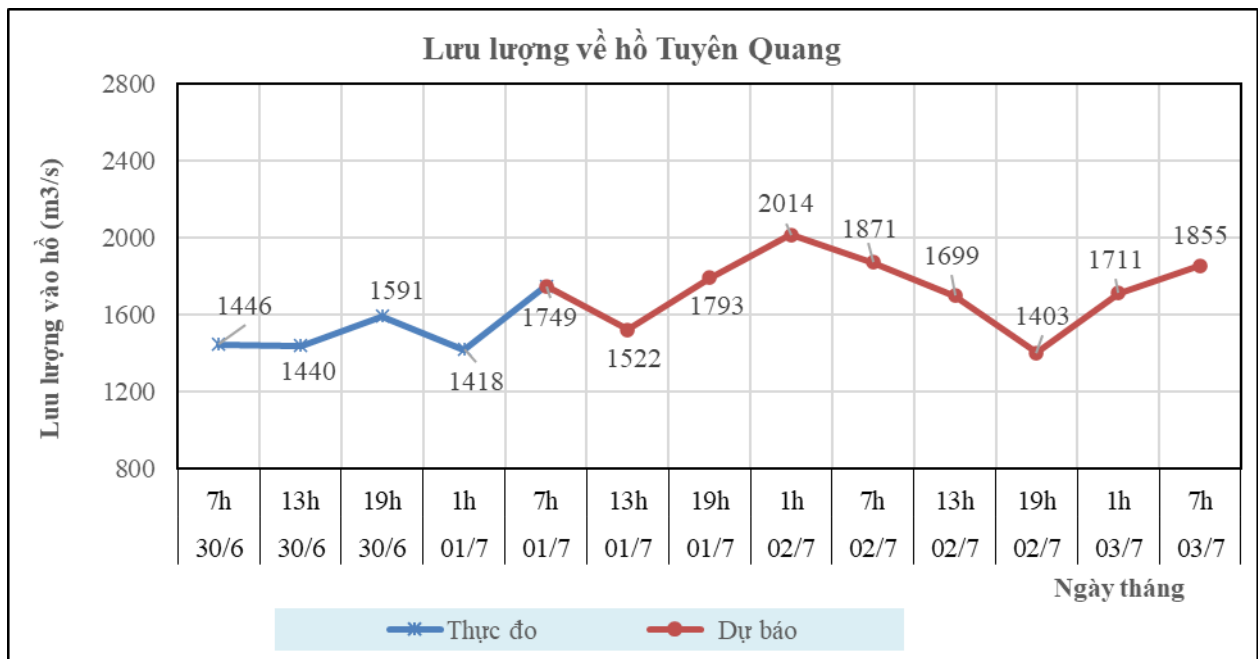
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

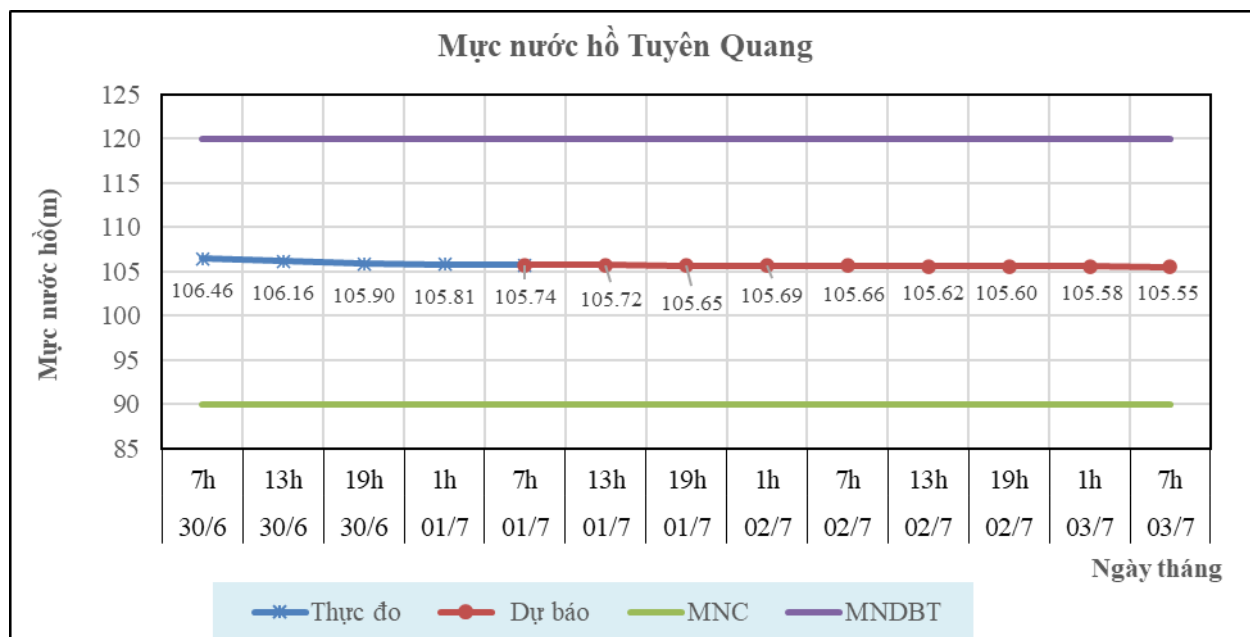
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 01/07/2025 đạt 1749m³/s, mực nước hồ đạt 105.74m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 1871 m³/s, mực nước hồ 105.66m, 48h tới lưu lượng đạt 1855m³/s, mực nước đạt 105.55m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

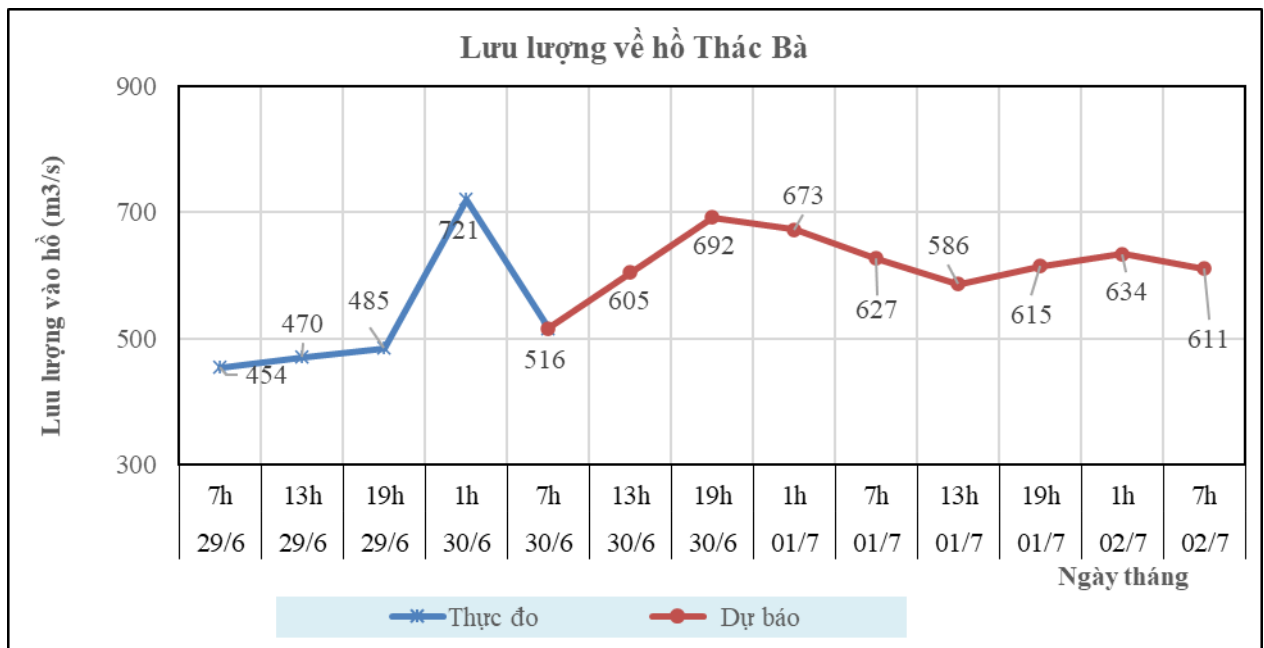
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

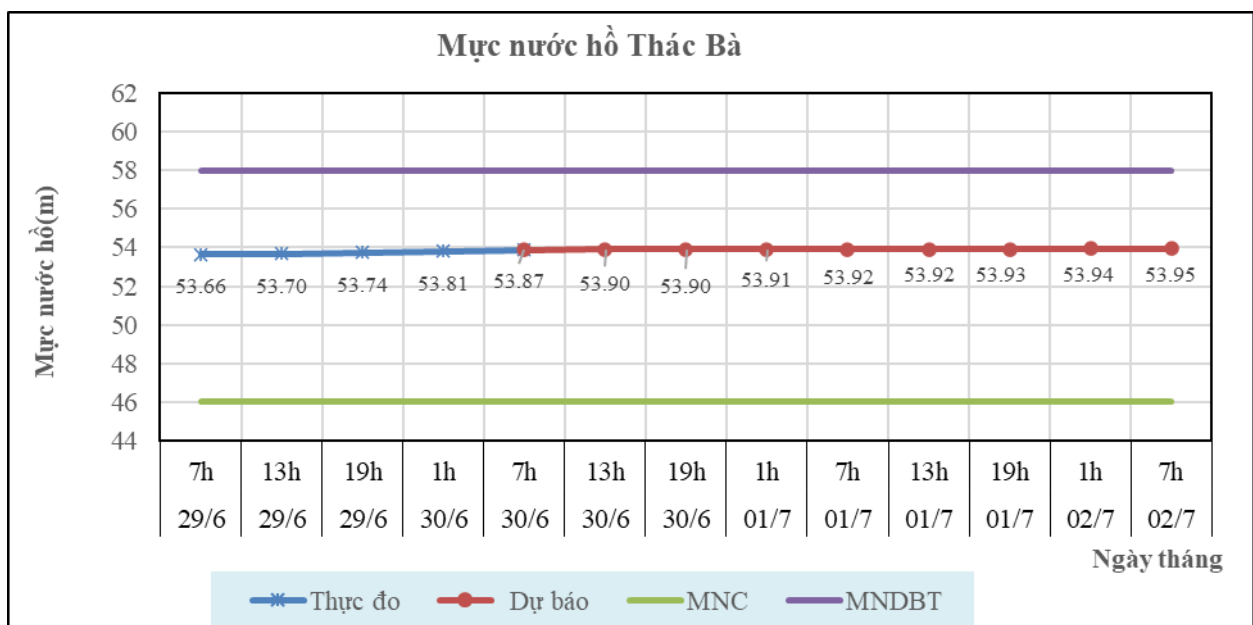
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 01/07/2025 đạt 516m³/s, mực nước hồ đạt 53.87m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 627m³/s, mực nước hồ 53.92m, 48h tới lưu lượng đạt 611m³/s, mực nước đạt 53.95m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	01/07/2025	13h	0	0	3024	1400	193.38	0	0	3429	1024	100.23	2	0	1522	1750	105.72	0	0	605	289	53.90
2		19h	0	0	2866	1432	193.55	0	0	3273	1242	100.34	2	0	1793	1750	105.65	0	0	692	289	53.90
3	02/07/2025	1h	0	0	2712	1420	193.69	0	0	3405	1242	100.52	2	0	2014	1750	105.69	0	0	673	289	53.91
4		7h	0	0	2985	1605	193.81	0	0	3561	1352	100.61	2	0	1871	1750	105.66	0	0	627	289	53.92
5		13h	0	0	2605	1563	193.94	0	0	3273	1352	100.70	2	0	1699	1750	105.62	0	0	586	289	53.92
6		19h	0	0	2511	1488	194.05	0	0	3026	1352	100.74	2	0	1403	1750	105.60	0	0	615	289	53.93
7	03/07/2025	1h	0	0	2723	1523	194.17	0	0	3211	1352	100.82	2	0	1711	1750	105.58	0	0	634	301	53.94
8		7h	0	0	2904	1795	194.29	0	0	3284	1352	100.90	2	0	1855	1750	105.55	0	0	611	301	53.95